

Số: . 51./BC-KLM

Nghệ An, ngày 02 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO

Thường niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900324603
- Vốn điều lệ: 38.850.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: đồng
- Địa chỉ: Khối Hợp Xuân, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 02383 883 138
- Số fax/Fax:
- Website: congtykimloaimaunghetinh.com
- Mã cổ phiếu: KLM

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Công ty Cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh được thành lập ngày 23/4/1980. Theo Quyết định số 336/QĐ/TCNĐT ngày 29/5/1993 của Bộ Công nghiệp, Xí nghiệp Liên hợp thiếc Nghệ Tĩnh được thành lập lại và đổi tên thành Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà Nước và Quyết định số 183/2001/QĐ-TTg ngày 20/11/2001 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX, Công ty từng bước sắp xếp lại và đổi mới. Ngày 28/7/2004 Bộ trưởng bộ Công nghiệp ra Quyết định số 65/2004/QĐ-BCN chuyển Công ty thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Kim loại màu Nghệ Tĩnh trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 26/5/2008, Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp than – Khoáng sản Việt nam ra Quyết định số 1205/QĐ-HĐQT phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển đổi Công ty thành Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Ngày 23/8/2008 các cổ đông của Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông để chính thức thành lập Công ty Cổ phần.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 Tổng công ty Khoáng sản – TKV chính thức thoái toàn bộ vốn tại Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh; Công ty CP Kim loại màu Nghệ Tĩnh chính thức trở thành Công ty cổ phần do tư nhân nắm giữ 100% vốn điều lệ và đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông bầu lại Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Khai thác chế biến thiếc thô đạt tiêu chuẩn loại 1.
 - + Kinh doanh dịch vụ xăng dầu.
- Địa bàn kinh doanh:

+ Huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp):

a) Đại hội đồng cổ đông: Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

b) Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ đại hội, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Kim loại màu Nghệ Tĩnh có 4 thành viên.

c) Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao; Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

d) Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm 02 thành viên.

e, Bộ phận Kinh tế.

Tham mưu, giúp việc Hội đồng quản trị, lãnh đạo Công ty công tác quản lý văn phòng, hành chính quản trị, văn hóa thể thao, quan hệ với tổ chức và cá nhân trong và ngoài Công ty đảm bảo theo đúng điều lệ, quy chế, quy định của Công ty và quy định của Pháp luật; Công tác tổ chức, quy hoạch cán bộ và đào tạo; công tác thi đua khen thưởng; quản lý lao động tiền lương và chính sách xã hội đối với người lao động trong toàn Công ty; tổ chức thực hiện công tác thanh kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu tố, công tác bảo vệ tự vệ, công tác quân sự và an ninh trật tự nội bộ; công tác tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng và quản lý vật tư, phụ tùng, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Mua, bán sản phẩm, lao vụ và dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh của Công ty; Tham mưu giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê trong toàn Công ty.

g) Bộ phận Kỹ thuật:

Tham mưu, giúp việc HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kỹ thuật; công tác quản lý kỹ thuật khai thác, tuyển khoáng, luyện kim, xây dựng, quản lý mỏ, tài nguyên, thăm dò khoáng sản phát triển tài nguyên; hồ sơ xin cấp mỏ, thuê đất, đền bù đất đai giải phóng mặt bằng; quản lý khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất. Quản lý chất lượng hàng hoá; công tác quản lý kỹ thuật, máy móc thiết bị, cơ điện, đầu tư đổi mới thiết bị, mua sắm phụ tùng, vật tư cơ điện phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty; công tác an toàn Bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ và môi trường.

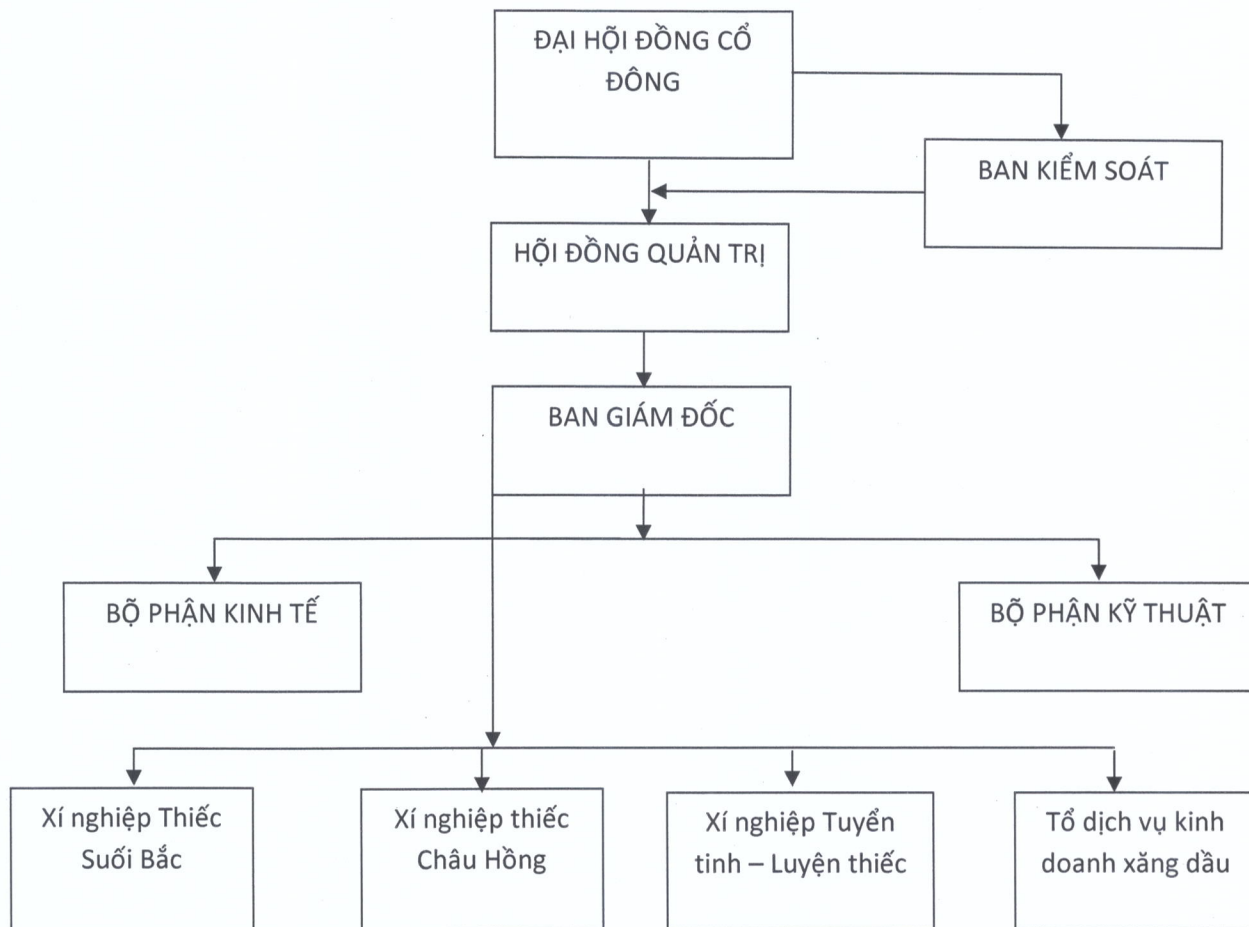
Xí nghiệp thiếc Suối Bắc: Chức năng chính là Khai thác và tuyển quặng thiếc gốc.

Xí nghiệp thiếc Châu Hồng: Chức năng chính là khai thác và tuyển quặng thiếc sa khoáng.

Xí nghiệp Tuyển tinh – Luyện thiếc: Chức năng chính là Tuyển quặng thiếc và chế biến quặng thiếc thành thiếc thỏi thành phẩm 99,75% Sn và 99,95% Sn.

Tổ dịch vụ và kinh doanh xăng dầu: Chức năng chính là Kinh doanh xăng, dầu và dầu mỡ phụ.

Cơ cấu bộ máy quản lý.



4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Năm 2023 đạt các chỉ tiêu chủ yếu:

++ Thiếc thời 99,95%: 55,7 tấn.

++ Kinh doanh xăng dầu: 144 nghìn lít.

++ Doanh thu: 49,91 tỷ.

++ Nộp ngân sách: 3,48 tỷ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Mở rộng khai thác chế biến thiếc thời.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Sản lượng thiếc thời tiêu thụ: 64,7,0 tấn / 61,7 tấn đạt 104,86 % KH năm; đạt 235,27 % so với năm 2022

- Kinh doanh xăng dầu: 144.085 lít/ 240.000 lít đạt 60,0 % KH năm; đạt 13,3 % so với năm 2022

- Tổng Doanh thu : 49.910,1 tr đồng/48.268 triệu đồng đạt 103,4% KH năm; đạt 115,8 % so với năm 2022

- Lợi nhuận trước thuế : triệu đồng -16.855,3 / 759 tr.đồng KH năm;

- Nộp ngân sách : 3.480,3 /5.274,0 triệu đồng đạt 65,9 % KH năm; đạt 140,9% so với năm 2022

- Thu nhập bình quân : 7,29 triệu đồng/8,42 triệu đồng/người/tháng đạt 86,5 % KH năm; đạt 95,0 % so với năm 2022

2. Tổ chức và nhân Sự

a. Danh sách Ban Điều hành:

| TT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần năm giữ (cp) | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------------|----------------|----------------------------------|--------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | |
| 1 | Phạm Hồng Thịnh | Chủ tịch | 109.928 | 2,8% |
| 2 | Bùi Văn Tiến | TV | 245.114 | 6,31% |
| 3 | Vũ Sơn Hải | TV | | |
| 4 | Phạm Hữu Bắc | TV | 417.510 | 10,75% |
| 5 | Trần Thị Lan Hương | TV | 0 | |
| II | Ban kiểm soát | | | |
| 1 | Phạm Thanh Hoa | Trưởng ban | 56.422 | 1,45% |
| 2 | Đậu Thị Quyên | UV | 0 | |
| 3 | Võ Thị Dung | UV | 100 | 0,0025% |
| III | Ban giám đốc | | | |
| 1 | Nguyễn Ngọc Nam | Giám đốc | 0 | |
| 2 | Trần Văn Chiến | P.Giám đốc | 0 | |
| 3 | Đình Hữu Hạnh | Kế toán trưởng | 0 | |

b. Những thay đổi nhân sự ban điều hành trong năm:

Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã thay đổi:

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|----|-----------|---------|---------|
| | (không) | | |
| | | | |

c. Số lượng cán bộ công nhân viên:

- Số lao động đầu năm : 57 người ; trong đó lao động nữ: 14
- Số tăng trong năm: 03 trong đó: LĐ nữ: 1
- Số giảm trong năm: 06 người; trong đó lao động nữ: 2
- Số lao động cuối năm: 54 người; trong đó LĐ nữ: 13 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

- Các khoản đầu tư lớn : Không
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính:

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | Tỷ lệ % tăng/giảm |
|----|--------------------------------------|-----------------|------------------|----------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 12.808.535.646 | 11.081.161.418 | 86,5 |
| 2 | Doanh thu thuần | 42.967.904.966 | 49.790.940.342 | 115,8 |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (9.684.783.488) | (16.855.254.630) | (74,05) |
| 4 | Lợi nhuận khác | (31.863.206) | (6.209.535) | 513,17 |

| | | | | |
|---|----------------------|-----------------|------------------|--------|
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | (9.716.646.694) | (16.855.254.630) | (73,5) |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | (9.716.646.694) | (16.855.254.630) | (73,5) |

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2023

Đánh giá tình hình tài chính của Công ty như sau:.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2021 | Năm 2022 |
|----------|---|-------------|----------|----------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH) | Lần | 0,33 | 0,29 |
| | Hệ số thanh toán nhanh (Tiền/NNH) | Lần | 0,032 | 0,011 |
| 2 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| | Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 0,96 | 1,5 |
| | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 12,5 | 54,2 |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| | Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 0,57 | 0,48 |
| | Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 0,92 | 0,61 |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | (0,226) | (0,33) |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | (2,98) | (0,3) |
| | Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | (0,219) | (0,62) |
| | Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | (0,225) | (0,033) |

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2023

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu công ty cổ phần Kim loại màu Nghệ Tĩnh: KLM;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đ/cp;
- Tổng số cổ phần: 3.885.000 cp;
- Trong đó: Cổ phần do nhà nước chi phối : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

| STT | Thành phần | Số lượng cổ đông | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------|------------------|------------------|-------------|
| | Cổ đông trong nước | | | |
| 1 | Tổ chức | 05 | 857.303 | 22,07% |
| 2 | Cá nhân | 93 | 3.027.697 | 77,93% |
| | Tổng cộng: | 98 | 3.885.000 | 100% |

* Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;

* Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;

* Các chứng khoán khác: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1. Thuận lợi:

- Năm 2023 mở thiếc Suối Bắc đã cơ bản hoàn thành các thủ tục, hồ sơ pháp lý và đi vào hoạt động sản xuất, đã tạo ra được sản phẩm, doanh thu cho Công ty, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Dây chuyền xưởng nghiền tuyển đã từng bước hoạt động ổn định, người lao động của xưởng cũng đã nắm bắt được quy trình và đặc tính của từng thiết bị để làm chủ trong quá trình vận hành.

- Công tác quản lý, điều hành nhịp nhàng từ HĐQT đến ban Giám đốc và có sự thích ứng, điều chỉnh kịp thời với từng diễn biến của tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất.

2. Khó khăn:

- Ảnh hưởng của tình hình thế giới đến nền kinh tế trong và ngoài nước đã làm cho giá các vật tư, nguyên nhiên liệu tăng cao ảnh hưởng đến giá thành sản xuất của Công ty.

- Công ty không thu mua được nguồn quặng bên ngoài để cân đối nguồn nguyên liệu đầu vào cho chế biến thiếc. Vì vậy, xưởng luyện và xưởng điện phân hoạt động gián đoạn.

- Công tác đầu tư tài chính tại đơn vị khác không thuận lợi cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận chung của Công ty.

- Công tác khai thác ngày càng khó khăn, thiếu công nhân khai thác nhất là giai đoạn giáp tết và sau tết Nguyên đán; việc tìm kiếm vùng tài nguyên đạt hàm lượng khai thác ngày càng khó và không ổn định, cự ly vận chuyển ngày càng xa,... là những khó khăn hiện tại và cho những năm tiếp theo của Công ty.

- Khối lượng quặng đuôi thải sau nghiền tuyển lớn làm phát sinh nhiều chi phí vào công đoạn bốc xúc, vận chuyển thải từ hồ lắng đến hồ chôn lấp.

- Công ty đang thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn về kỹ thuật mỏ như: khai thác, địa chất để tính toán, triển khai thực hiện những công việc liên quan đến các dự án phát triển mỏ hay đóng cửa mỏ.

- Lĩnh vực xăng dầu, thù lao thấp, chi phí cao, kinh doanh không hiệu quả nên đã cho thuê cửa hàng từ tháng 3/2023.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
|--------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Tài sản ngắn hạn | 12.808.535.646 | 28,92 | 11.081.161.418 | 40,96 |
| Tài sản dài hạn | 31.472.034.239 | 71,08 | 15.970.911.580 | 59,04 |
| Tổng cộng tài sản | 44.280.569.885 | 100 | 27.052.072.998 | 100 |

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2023

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | | Năm 2023 | |
|-------------|----------------|--------------|----------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Nợ ngắn hạn | 37.825.887.000 | 92,21 | 37.601.132.124 | 92,51 |
| Nợ dài hạn | 3.192.654.856 | 7,79 | 3.044.167.475 | 7,49 |

| | | | | |
|----------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|
| Tổng nợ | 41.018.541.856 | 100 | 40.645.299.599 | 100 |
|----------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|

Nguồn : Báo cáo tài chính năm 2023

Tình hình nợ ngắn hạn năm 2023 đã tăng so với năm 2022 chủ yếu là do vay vốn lưu động, nợ người bán.

3. Kế hoạch SXKD năm 2024

3.1. Các chỉ tiêu kế hoạch trong năm

- Sản lượng thiếc thời sản xuất và tiêu thụ: 51,4 tấn.
- Doanh thu: 35.078 trđ (*Trong đó: SX Thiếc: 34.678,0 trđ; doanh thu khác: 400 tr.đ*).
- Lợi nhuận: 368,0 trđ.
- Tiền lương bình quân: 7,9 trđ/ng/tháng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản: 0 trđ.

3.2. Các giải pháp chính:

Từ các tồn tại nêu trên, để duy trì sản xuất ổn định, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong năm 2024 gắn với mục tiêu tăng năng suất, thực thu, tiết giảm chi phí cần tập trung các nhóm giải pháp sau:

- Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy Công ty, sắp xếp lực lượng lao động phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay đảm bảo tinh gọn, hiệu quả. Hoàn thiện và bổ sung các quy chế, quy định tất cả các mặt quản lý của Công ty để có cơ chế quản lý đồng bộ, nhất quán từ Công ty đến các đơn vị thành viên.

- Tăng cường tính chủ động của các bộ phận trong công tác quản lý, điều hành, điều độ hoạt động sản xuất, quản trị chi phí; quản lý kỹ thuật cơ bản để tăng năng suất, thực thu của dây chuyền công nghệ, hạ giá thành để đáp ứng được với những khó khăn hiện tại và biến động của giá cả thị trường.

- Tập trung đẩy mạnh sản lượng tự sản xuất; tăng cường mối quan hệ để thúc đẩy sản lượng nhập, gia công từ các khách hàng. Chủ động trong phương thức tiêu thụ thiếc để có cách thức tiêu thụ hợp lý, mang lại hiệu quả nhất cho Công ty.

- Tăng cường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đột xuất để đảm bảo mục tiêu hai không về an toàn “*không tai nạn, không sự cố*”, không để xảy ra hiện tượng vi phạm về môi trường.

- Duy trì và phát huy việc thực hiện văn hóa doanh nghiệp, tích cực tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao nhằm tạo khí thế thi đua nhằm giữ vững vai trò, vị thế của Công ty.

- Cân đối hiệu quả chung của Công ty, có giải pháp hợp lý để khi cần có thể tăng sản lượng quảng huy động theo giá thị trường. Tích cực và chủ động hợp tác với khách hàng để nhận quảng và thiếc gia công nhằm tăng thời gian hoạt động cho lò luyện và điện phân, có việc làm cho người lao động.

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động trong năm 2023 và định hướng năm 2024

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đánh giá năm 2023 Công ty đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra. Ban điều hành Công ty đã có nhiều giải pháp quyết liệt trong việc triển khai thực hiện các nội dung công việc. Tập thể người lao động đồng tâm, đồng sức, có tinh thần trách nhiệm cao cùng với Ban điều hành để hoàn thành các mục tiêu đề ra.

- Tại mỏ Suối Bắc: Năm 2023 Đã hết thời gian vận hành thử nghiệm và đang trong thời gian làm các thủ tục đề nghị cấp giấy phép môi trường, Công ty đã từng bước ổn định sản xuất tại đơn vị, đã tổ chức khai thác, nghiền tuyển. Do nhân lực khai thác còn thiếu nên khối lượng đất đá quảng khai thác chưa đáp ứng được cho xưởng nghiền tuyển. Mặt khác, cũng vì thiếu nhân lực khai thác nên công tác đào lò thăm do để mở rộng vùng khai thác không thực hiện được. Chính vì vậy việc tìm kiếm vùng khai thác đạt hàm lượng gặp rất nhiều khó khăn. Đối với xưởng nghiền tuyển, mặc dù dây chuyền đã cơ bản hoạt động ổn

định, người lao động của xưởng đã phần nào nắm bắt được đặc tính của từng loại thiết bị để sửa chữa, bảo dưỡng và có các giải pháp khắc phục khi có sự cố xảy ra. Tuy nhiên thời gian dừng của xưởng còn nhiều, một phần do hỏng hóc thiết bị, một phần do đất đá quặng đầu vào không đáp ứng đủ để xưởng tuyển sản xuất 3 ka liên tục.

- Tại Xí nghiệp Tuyển tinh - Luyện thiếc: Công tác luyện và điện phân thiếc hoạt động gián đoạn do thiếu nguyên liệu đầu vào, mặt khác vì Công ty cân đối hiệu quả và hợp đồng thuê đơn vị ngoài gia công thiếc. Người lao động của Xí nghiệp được điều động lên làm ở Xí nghiệp thiếc Suối Bắc. Chỉ bố trí nhân lực ở tại xí nghiệp để thực hiện công tác quản lý và bảo vệ tài sản, sản phẩm và phân tích mẫu.

- Đối với kinh doanh xăng dầu: Hoạt động kinh xăng dầu không mang lại hiệu quả. Chính vì vậy Công ty đã trả giấy phép bán hàng và dừng bán hàng tại 02 ốt xăng dầu của Công ty từ tháng 3 năm 2023.

- Công ty thực hiện quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, sử dụng lao động và các nguồn lực khác theo các quy định của Pháp luật có liên quan và điều lệ của Công ty. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất trong lĩnh vực SXKD, hoạt động khai thác, chế biến, thăm dò khoáng sản và báo cáo theo các yêu cầu quản lý khác kịp thời, theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ không để xảy ra các trường hợp mất mát tài nguyên, tranh chấp ranh giới mỏ trong sản xuất

- Trong tổ chức sản xuất áp dụng những biện pháp an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng kế hoạch và trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động; tập huấn an toàn vệ sinh lao động, vật liệu nổ và phòng cháy chữa cháy đầy đủ theo quy định. Trong năm không để xảy ra sự cố về an toàn lao động và môi trường

- Thực hiện kê khai và đóng nộp các nghĩa vụ thuế, phí đối với Nhà nước đầy đủ, kịp thời. Chi trả đầy đủ, kịp thời tiền lương cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, công khai minh bạch các chế độ chính sách, các hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.

2. Định hướng của HĐQT năm 2024:

Hiện tại, thị trường tiêu thụ thiếc ổn định, giá thiếc tiêu thụ đang ở mức tương đối cao. Công ty cần tranh thủ, tận dụng tốt cơ hội cho sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT định hướng cho Ban giám đốc Công ty tiếp tục hoàn thiện dây chuyền nghiền tuyển, phát triển vùng khai thác đạt hàm lượng của Mỏ thiếc Suối Bắc để tăng năng suất, thực thu, tăng sản lượng quặng thiếc sản xuất; tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện dây chuyền Công nghệ luyện và điện phân theo hướng nâng cao hiệu quả các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật nhằm tăng thực thu sản phẩm thiếc, giảm chi phí để tăng hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động trong quản lý điều hành của tập thể các thành viên trong HĐQT hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Bám sát cơ chế chính sách nhà nước, thị trường tiêu thụ xây dựng các phương án, cơ chế phù hợp để thực hiện các chỉ tiêu đặt ra.

- Thực hiện tốt công tác cải tiến dây chuyền công nghệ, nâng cao năng suất, thực thu, tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả sản xuất. Thực hiện đảm bảo công tác an toàn lao động, môi trường.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý phù hợp, nâng cao năng lực quản lý điều hành của đội ngũ lãnh đạo, kiến thực chuyên môn của cán bộ công nhân lao động toàn Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

V. Quản trị Công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ % | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|----------|---------------------|---------|-------------------------|
| 1 | Ông Phạm Hồng Thịnh | Chủ tịch | 4/4 | 100 | |
| 2 | Ông Vũ Sơn Hải | Ủy viên | 4/4 | 100 | |
| 3 | Bùi Văn Tiến | Ủy viên | 4/4 | 100 | |
| 4 | Phạm Hữu Bắc | Ủy viên | 4/4 | 100 | |
| 5 | Trần Thị Lan Hương | Ủy viên | 4/4 | 100 | |

Các phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của đại diện Ban Kiểm soát Công ty và có thư ký Hội đồng quản trị ghi lại Biên bản chi tiết nội dung họp và có Nghị quyết các cuộc họp. Cụ thể trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành 03 Nghị quyết, 03 Quyết định.

2. Hoạt động Ban Kiểm soát:

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

| TT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự họp |
|----|----------------|---------------|---------------------|-------|-------------------------|
| 1 | Phạm Thị Hoa | Trưởng ban KS | 4/4 | 100 | |
| 2 | Võ Thị Dung | TV BKS | 4/4 | 100 | |
| 3 | Đậu Thị Quyên | TV BKS | 3/4 | 75 | |

* Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông.

- Tổ chức họp BKS định kỳ theo quý với 100% thành viên tham gia.
- Tham dự đầy đủ các buổi họp HĐQT với nhiều đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.
- Tiến hành rà soát các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.
- Tiến hành đi kiểm tra thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: VND

| TT | Thành viên | Chức danh | Thù lao | Lương, thưởng | Tổng cộng |
|-----------|---------------------------------------|-----------|------------|---------------|-------------|
| I | Hội đồng quản trị/Ban Giám đốc | | | | |
| 1 | Ông Phạm Hồng Thịnh | Chủ tịch | 94.800.000 | | 94.800.000 |
| 2 | Ông Vũ Sơn Hải | Ủy viên | 25.200.000 | | 25.200.000 |
| 3 | Ông Bùi Văn Tiến | Ủy viên | 25.200.000 | | 25.200.000 |
| 4 | Ông Phạm Hữu Bắc | Ủy viên | 25.200.000 | | 25.200.000 |
| 5 | Ông Trần Thị Lan Hương | Ủy viên | 16.800.000 | | 16.800.000 |
| 6 | Ông Nguyễn Ngọc Nam | GD Cty | | 259.659.000 | 259.659.000 |
| 7 | Ông Trần Văn Chiến | PGĐ Cty | | 237.782.000 | 237.782.000 |
| II | Ban kiểm soát | | | | |
| 1 | Bà Phạm Thị Hoa | Tr.ban KS | 25.200.000 | | 25.200.000 |
| 2 | Bà Võ Thị Dung | TV BKS | 22.800.000 | 108.961.000 | 131.761.000 |

| | | | | | |
|------------|-------------------------|----------------|------------|-------------|-------------|
| 3 | Bà Đậu Thị Quyên | TV BKS | 15.200.000 | 89.846.000 | 105.046.000 |
| III | Kế toán Trưởng | | | | |
| 1 | Ông Đinh Hữu Hạnh | Kế toán trưởng | | 215.819.000 | 215.819.000 |
| IV | Thư ký Công ty | | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Trung Phương | Thư ký công ty | 22.800.000 | 194.635.000 | 217.435.000 |

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty, thực hiện báo cáo và công bố thông tin kịp thời, đầy đủ theo quy định.

VI. Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty đã thực hiện theo quy định của pháp luật của kế toán và kiểm toán. Báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY .

I- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mẫu số B01-DN

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 11.081.161.418 | 12.808.535.646 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 415.126.145 | 1.199.427.717 |
| Tiền | 111 | | 415.126.145 | 1.199.427.717 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 5.992.359.283 | 1.425.277.174 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 4.950.936.935 | 1.308.006.540 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 7 | 2.283.349.998 | 1.354.017.284 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 26.819.000 | 32.000.000 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 6 | (1.268.746.650) | (1.268.746.650) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 4.673.675.990 | 9.605.622.207 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 4.751.383.473 | 9.922.450.266 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (77.707.483) | (316.828.059) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | - | 578.208.548 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 578.208.548 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 15.970.911.580 | 31.472.034.239 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 6.122.342.031 | 5.903.408.016 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 6.122.342.031 | 5.903.408.016 |
| Tài sản cố định | 220 | | 1.944.633.296 | 2.523.744.808 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 1.944.633.296 | 2.523.744.808 |
| - Nguyên giá | 222 | | 62.664.207.120 | 62.664.207.120 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (60.719.573.824) | (60.140.462.312) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 337.107.107 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 337.107.107 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5 | 1.431.987.563 | 12.000.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | | 30.045.000.000 | 30.045.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (28.613.012.437) | (18.045.000.000) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.471.948.690 | 10.707.774.308 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 6.471.948.690 | 10.707.774.308 |

| | | | | |
|---|------------|-----------|-------------------------|-----------------------|
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 27.052.072.998 | 44.280.569.885 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 40.645.299.599 | 41.018.541.856 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 37.601.132.124 | 37.825.887.000 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 12 | 15.982.202.687 | 9.098.562.767 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 13 | 230.257.737 | 172.817.400 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 559.779.000 | 583.813.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 15 | 2.886.283.191 | 2.477.967.705 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 68.666.667 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 8.588.000.628 | 8.575.440.026 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 14 | 9.270.320.681 | 16.901.664.569 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 15.621.533 | 15.621.533 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 3.044.167.475 | 3.192.654.856 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 16 | 173.552.800 | 173.552.800 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 17 | 2.870.614.675 | 3.019.102.056 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | 18 | (13.593.226.601) | 3.262.028.029 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | | (13.593.226.601) | 3.262.028.029 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 38.850.000.000 | 38.850.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 38.850.000.000 | 38.850.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 1.579.021.166 | 1.579.021.166 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (54.022.247.767) | (37.166.993.137) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | (37.166.993.137) | (27.450.346.443) |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | (16.855.254.630) | (9.716.646.694) |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 27.052.072.998 | 44.280.569.885 |

II- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B02-DN

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 19 | 49.790.940.342 | 42.967.904.966 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 49.790.940.342 | 42.967.904.966 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 20 | 49.603.752.222 | 45.527.311.196 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 187.188.120 | (2.559.406.230) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 21 | 119.145.130 | 118.608.796 |
| Chi phí tài chính | 22 | 22 | 12.307.507.252 | 881.227.251 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 1.277.654.979 | 1.681.227.251 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 23 | 4.847.871.093 | 6.362.758.803 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (16.849.045.095) | (9.684.783.488) |
| Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| Chi phí khác | 32 | 24 | 6.209.535 | 31.863.206 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | (6.209.535) | (31.863.206) |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (16.855.254.630) | (9.716.646.694) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 25 | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (16.855.254.630) | (9.716.646.694) |

| | | | | |
|----------------------------|----|----|---------|---------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 26 | (4.339) | (2.501) |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | | (4.339) | (2.501) |

III-BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03-DN

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm 2023 | Năm 2022 |
|--|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (16.855.254.630) | (9.716.646.694) |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 579.111.512 | 1.042.513.953 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 10.180.404.480 | (384.426.350) |
| (Lãi lỗ) hoạt động đầu tư | 05 | | (119.145.130) | (118.608.796) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 1.277.654.979 | 1.681.227.251 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (4.937.228.789) | (7.495.940.636) |
| Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (4.089.860.676) | 634.159.437 |
| Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 5.171.066.793 | (4.465.957.698) |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | 7.521.671.028 | 10.990.701.436 |
| Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 4.235.825.618 | (7.200.716.791) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (1.055.629.888) | (966.733.083) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 6.845.844.086 | (8.504.487.335) |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (818.732.018) |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1.198.230 | 118.608.796 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 1.198.230 | (700.123.222) |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | | 23.101.838.829 | 25.528.220.593 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (30.733.182.717) | (15.981.150.187) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (7.631.343.888) | 9.547.070.406 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (784.301.572) | 342.459.849 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 4 | 1.199.427.717 | 856.967.868 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 4 | 415.126.145 | 1.199.427.717 |

Nơi nhận:

- Sở giao dịch CK HN;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD Cty;
- Lưu TCKT.



Nguyễn Ngọc Nam